

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày: 19/8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ‘Đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST-QĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với:

1. Nguyên đơn dân sự: ông Phạm Văn T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 10, Đường Tây Th, phường Tây Th, quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T : Luật sư Trịnh Văn H - Văn phòng Luật sư Gia Th thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2. Bị đơn dân sự: ông Nguyễn Đức Ph, sinh năm 1973

HKTT: ấp Kênh C, xã Nhơn H, huyện Tân Th, tỉnh Long An

Chỗ ở hiện nay: Đang chấp hành án tại Phân trại K 2, Trại giam Thạnh H; địa chỉ: ấp Hải H, xã Tân Lập, huyện Tân Th, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Huỳnh Sơn T, sinh năm: 1984

Nơi đăng ký HKTT: khối 6, thị trấn Kiến Đ, huyện Đăk R, tỉnh Đăk N

Nơi cư trú: số X đường Vũ T , phường 2, quận Bình Th , thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3.2. Phạm Hữu T , sinh năm: 1973

Nơi đăng ký HKTT: thôn Kê, xã Quảng M , huyện Việt Y , tỉnh Bắc Giang

Nơi cư trú: số X đường Trần Thánh T, phường 15, quận Tân B , thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3.3. Phùng Văn Đ , sinh năm: 1971

Nơi cư trú: số X đường Trần Hưng Đ , phường Phạm Ngũ L , quận x, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3.4. Đặng Duy Ng , sinh năm: 1976

Nơi cư trú: số X1 đường TX33, phường Thạnh X , quận XX, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3.5. Phạm Văn H , sinh năm: 1978

Nơi đăng ký HKTT: thôn Cốc Tr , xã Chiến Th , huyện An L , thành phố Hải Phòng

Nơi cư trú: số X, tổ 16, ấp 4, xã Đa Ph , huyện Bình Ch , thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3.6. Trần Văn T , sinh năm: 1982

Nơi đăng ký HKTT: thôn Đại C , xã Tiên C , huyện Tiên L , thành phố Hải Phòng

Nơi cư trú: số X khu phố 4, Tân Thới N 22, phường Tân Thới N , quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3.7. Công ty TNHH dịch vụ đòi nợ Đông D

Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Văn Đ , sinh năm: 1958

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Địa chỉ: lầu X tòa nhà Viễn Đ , số XY đường Phan T , phường Đa K , quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

3.8. Đặng Văn A (tên gọi khác: C), sinh năm: 1978

Nơi cư trú: ấp Hiệp T , xã Tân B , huyện Tân Th, tỉnh Long An (vắng mặt)

3.9. Lê Văn H (tên gọi khác: T), sinh năm: 1985

Nơi cư trú: ấp Năm Ng , xã Tân N , huyện Tân Th, tỉnh Long An (vắng mặt)

3.10. Nguyễn Văn Đ , sinh năm: 1985

Nơi cư trú: ấp Kênh C, xã Nhơn H, huyện Tân Th, tỉnh Long An vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3.11. Ngô Hồng V , sinh năm: 1988

Nơi cư trú: ấp Kênh C, xã Nhơn H, huyện Tân Th, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3.12. Nguyễn Văn C , sinh năm: 1977

Nơi cư trú: ấp Cà N , xã Tân B , huyện Tân Th, tỉnh Long An vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3.13. Nguyễn Văn X , sinh năm: 1947

Nơi cư trú: ấp Kênh C, xã Nhơn H, huyện Tân Th, tỉnh Long An vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Nguyễn Lý T , sinh năm: 1984

Nơi cư trú: ấp 3, xã Tân Th , huyện Tân Th, tỉnh Long An (vắng mặt)

4.2. Nguyễn Văn B, sinh năm: 1994

Nơi cư trú: ấp Gò N, xã Nhơn H, huyện Tân Th, tỉnh Long An (vắng mặt)

4.3. Lê Văn T, sinh năm: 1966

Nơi cư trú: ấp Hiệp T , xã Tân B , huyện Tân Th, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 27/3/2017, nhân viên của Công ty Tách nhiệm hữu hạn dịch vụ đòi nợ Đông D (công ty Đông D) gồm 07 người, trong đó có Phạm Văn T đến nhà ông Nguyễn Văn Đ để đòi ông Đ số tiền nợ 400.000.000 đồng theo hợp đồng dịch vụ giữa Công ty Đông D và ông Lê Văn T. Tại nhà ông Đ , trong lúc nhóm nhân viên Công ty Đông D đang giải quyết nợ với ông Đ thì ông Ph đến và xảy ra cãi vã. Ông Ph, ông Đ và những người làm công cho ông Đ rượt đuổi nhóm người của Công ty Đông D. Riêng đối với ông Ph có hành vi hất mặt bàn, dùng ghế đánh vào vai ông T , dùng cây trà có nhánh đánh hai cái vào đầu ông T gây thương tích. Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Phạm Văn T là 19% (Tỷ lệ vết thương vùng đầu là 09%. Tỷ lệ vết thương vùng mặt là 11%).

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Th đã xét xử Nguyễn Đức Ph 02 (hai) năm về tội “Cố ý gây thương tích”; Về trách nhiệm dân sự, bản án số 14/2019/HS-ST chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Phạm Văn T, buộc ông Nguyễn Đức Ph có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn T số tiền 18.466.666 đồng (Mười tám triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu ông Ph bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với số tiền 35.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự phúc thẩm số 156/2018/HSPT ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy phần dân sự của bản án số 14/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Th để giải quyết lại phần dân sự trong vụ án hình sự theo thủ tục chung với thành phần Hội đồng xét xử mới.

Ngày 04/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Th đã thụ lý sơ thẩm vụ án hình sự để giải quyết lại phần dân sự trong vụ án hình sự.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết lại phần dân sự và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn dân sự ông Phạm Văn T, là người bị hại trong vụ án hình sự có Luật sư Trịnh Văn H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Nguyễn Đức Ph, là bị cáo trong vụ án hình sự bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm. Cụ thể các khoản yêu cầu bồi thường và căn cứ để chứng minh cho yêu cầu như sau:

1. Chi phí cho việc cứu chữa 5.000.000đ, gồm các khoản:

- Tiền chi trả cho Trung tâm y tế huyện Tân Th, Bệnh viện 115 TP Hồ Chí Minh hơn 3.000.000đ. Chứng từ viện phí ông đã nộp tại cơ quan điều tra nhưng hồ sơ vụ án không có.

- Tiền ăn uống tại bệnh viện 1.000.000đ.

- Tiền thuê xe từ Bệnh viện Tân Th về nhà tại TP Hồ Chí Minh 2.000.000đ (có chứng từ kèm theo).

- Tiền thuê xe từ nhà ông T đến Bệnh viện Nhân dân 115 và ngược lại, chở đi thay băng, rửa vết thương là 2.000.000đ (có chứng từ kèm theo).

Tổng cộng các khoản hơn 5.000.000đ nhưng ông T chỉ yêu cầu số tiền 5.000.000đ.

2. Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và gây diếc hoàn toàn tai phải, đầu bị đau nhức tổng số tiền là 50.000.000đ, gồm:

- Các khoản chi để bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe:

+ Chi phí ăn uống hằng ngày tăng thêm trong thời gian hơn 01 năm để phục hồi sức khỏe bị giảm sút 19% với mức 200.000đ/ngày với số tiền hơn 60.000.000đ.

+ Do bị đánh vùng đầu nên hiện nay đầu vẫn còn đau nhức rất nhiều, phải mua thuốc bổ uống với số tiền hơn 10.000.000đ.

- Tiền bồi thường sức khỏe bị giảm sút căn cứ theo Phụ lục 2 Bảng tính mức bồi thường từ người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động (Ban hành kèm theo Thông T số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015) quy định: mức suy giảm khả năng lao động là 19% thì được bồi thường với mức bồi thường ít nhất là 5,10 (tháng tiền lương) và được trợ cấp ít nhất 2,04 (tháng tiền lương). Căn cứ Điều 6 Bộ Luật dân sự về áp dụng tương tự pháp luật, ông Ph đánh ông T 19% nên ông T yêu cầu ông Ph bồi thường ít nhất 5,1 (tháng tiền lương), mức lương của ông T là 10.000.00đ với số tiền 55.000.000đ.

Tổng chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, bị diếc tai, bị đau đầu với số tiền hơn 50.000.000đ nhưng ông T chỉ yêu cầu 50.000.000đ.

3. Tiền mất thu nhập là 20.000.000đ: ông T là Phó Giám đốc Công ty Đông D với mức lương 10.000.000đ/tháng. Do bị đánh nên ông nghỉ việc không lương trong thời gian 02 tháng không hưởng lương. Sau 02 tháng nghỉ việc không hưởng lương do sức khỏe còn yếu nên ông còn tiếp tục nghỉ thêm 01

tháng không hưởng lương để điều trị tạm ổn thương tích, có xác nhận của Công ty Đông D.

4. Yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000đ phát sinh từ việc bị đánh dẫn phải tham gia tố tụng: cụ thể là chi phí ăn uống, đi lại bằng xe ô tô hơn 20 lần từ TP Hồ Chí Minh đến Tân Th và đến Tp Tân An, Long An và ngược lại để giải quyết vụ án từ giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm lần 1, phúc thẩm lần 1, xét xử sơ thẩm lần 2, phúc thẩm lần 2, xét xử sơ thẩm lần 3 với số tiền 20.000.000đ. Trong những ngày ông đi để giải quyết vụ án, ông phải nghỉ việc không hưởng lương, mức lương của ông là 416.666đ/ngày. Ông T thuê xe, chi phí ăn uống mỗi chuyến là 2.000.000đ. Tổng số tiền thiệt hại hơn 20.000.000đ nhưng ông T chỉ yêu cầu 20.000.000đ.

5. Bồi thường tổn thất tinh thần 50 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định số tiền là 1.490.000đ x 50 tháng = 74.500.000đ. Căn cứ yêu cầu là: ông T là Phó giám đốc – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Đòi nợ Đông D, là lãnh đạo của Công ty Đông D nhiều năm. Ông đã nhiều năm chỉ huy lực lượng của Công ty Đông D đi thực hiện nhiệm vụ đòi nợ rất tốt. Nhưng khi ông T chỉ huy lực lượng thực hiện nhiệm vụ đòi nợ theo hợp đồng thì bị ông Ph đánh gây thương tích 19% trong khi ông Ph không có liên quan đến nợ nần. Đây là lần đầu tiên ông T bị đánh khi thực hiện nhiệm vụ nên dẫn đến uy tín, danh dự của bản thân ông và công ty Đông D bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Ông cảm thấy áy náy, xấu hổ đối với lực lượng Công ty Đông D, của người thân, bạn bè. Ông vẫn còn bị ám ảnh về việc bị đánh nên tinh thần bị suy sụp nhiều.

6. Bồi thường mất một chiếc nhẫn 01 lượng vàng 9999 số tiền là 35.000.000đ. Căn cứ yêu cầu là do ông T bị ông Ph đánh, ông T đưa tay lên đỡ dẫn đến việc mất nhẫn vàng đang đeo. Tính theo giá trị vàng hiện nay thì giá trị chiếc nhẫn hơn 35.000.000đ, nhưng do ban đầu ông T yêu cầu bồi thường giá trị chiếc nhẫn là 35.000.000đ nên hiện nay vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tổng số tiền ông T yêu cầu ông Ph bồi thường là 204.500.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Phía ông Nguyễn Đức Ph có văn bản (Bản tự khai) ngày 06/3/2020 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông Phạm Văn T như sau: Qua yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Phạm Văn T tổng số tiền là 204.000.000đ, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/9/2019, ông Ph chỉ đồng ý chi phí điều trị số tiền là 2.800.000đ, ngoài ra ông không đồng ý bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác. Tuy nhiên, do vợ của ông đã nộp 10.000.000đ khắc phục hậu quả nên ông Ph đồng ý bồi thường cho ông T số tiền 10.000.000đ đã nộp. Ngoài ra, ông Ph không đồng ý bồi thường cho ông T bất cứ khoản tiền nào khác. Ông Ph có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do ông đang chấp hành án.

Tại phiên tòa, Đại diện VKSND huyện Tân Th phát biểu quan điểm về việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Phiên tòa diễn ra đảm bảo đúng quy định. Về phía những người tham gia tố tụng: nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 584, 585, 590 Bộ luật Dân

sự 2015;

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dân sự về các khoản:

+ Đề nghị chấp nhận chi phí hợp lý cho việc cứu chữa 5.000.000đ gồm chi phí điều trị; chi phí thuê xe từ Trung tâm y tế Tân Th về nhà, thuê xe đi điều trị tại Bệnh viện 115 và đi thay băng, rửa vết thương do ông T được chẩn đoán chấn thương sọ não nên việc đi lại điều trị bằng ô tô là phù hợp.

+ Đề nghị xem xét mức bồi dưỡng 50.000đ/ngày từ 01/4/2017-30/4/2017 do ông T bị xâm phạm sức khỏe 19% nên cần khoản chi phí để bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe.

+ Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Tuấn về thu nhập bị mất trong thời gian nằm viện (từ 27/3/2017-29/3/2017) và trong thời gian chờ phục hồi sức khỏe (từ 01/4/2017-31/5/2017).

+ Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ).

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận các khoản:

+ Về yêu cầu chi chi phí đi lại hơn 20 lần để giải quyết vụ án do cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập là thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Bộ Luật tố tụng hình sự.

+ Về yêu cầu bồi thường 01 chiếc nhẫn 01 lượng vàng 9999 do tài sản là o ông T trực tiếp quản lý và sử dụng. Khi sự việc xảy ra, ông T xác định được vị trí và thời điểm mất chiếc nhẫn nhưng ông không trình báo ngay với lực lượng bảo vệ hiện trường. Ngoài ra không có căn cứ xác định ông Ph nhật hoặc giật lấy chiếc nhẫn trên tay ông T nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bản án hình sự phúc thẩm số 156/2018/HSPT ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy phần dân sự của bản án số 14/2019/HSST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Th, giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Th thụ lý vụ án hình sự để giải quyết lại phần dân sự trong vụ án hình sự theo thủ tục chung

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Đức Ph hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 2, Trại giam Thạnh Hòa, Tổng cục VIII, Bộ Công an. Ông Ph có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có xác nhận của Ban Giám thị trại giam.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo mở phiên tòa; người làm chứng được tổng đạt giấy báo phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn

vắng mặt, trong đó có ông Nguyễn Văn Đ , Ngô Hồng Hồng V , Nguyễn Văn C , Lê Văn T có đơn xin vắng mặt.

Do đó, xét thấy đã đủ điều kiện vắng mặt bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo quy định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về căn cứ bồi thường thiệt hại: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HSST ngày 24/9/2019 của TAND huyện Tân Th và Bản án Hình sự phúc thẩm số 156/2019/HSPT ngày 30/11/2019 của TAND tỉnh Long An đã xét xử, có hiệu lực pháp luật về phân trách nhiệm hình sự xác định: Ông Phạm Văn T bị ông Nguyễn Đức Ph dùng cây gỗ tràm đánh vào đầu của ông T gây thương tích 19%. Bản án phúc thẩm đã xác định giữa ông Ph với ông T không có mâu thuẫn nhưng ông Ph đã thực hiện một chuỗi hành vi trái pháp luật, đã dùng cây gỗ tràm đánh vào vùng đầu của ông T gây thương tích 19% là hành vi có tính chất côn đồ. Do đó, ông Ph phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông T do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ Luật dân sự 2015.

[3.2] Về xác định thiệt hại:

Căn cứ quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự 2015, việc bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm các khoản như sau:

“1. Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm:

- a) Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại;
- b) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại;
- c) Chi phí hợp lý và phân thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại trong thời gian điều trị; nếu người bị thiệt hại mất khả năng lao động và cần phải có người thường xuyên chăm sóc thì thiệt hại bao gồm cả chi phí hợp lý cho việc chăm sóc người bị thiệt hại;
- d) Thiệt hại khác do luật quy định.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”.

Đối với yêu cầu của ông T , ông yêu cầu ông Ph bồi thường các khoản thiệt hại do bị ông Ph đánh tổng cộng số tiền là 204.500.000đ. Xem xét từng khoản chi phí như sau:

- Về chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại:

+ Về chi phí cho việc cứu chữa: Ông T yêu cầu ông Ph bồi thường số tiền 5.000.000đ, ông Ph chỉ đồng ý 2.800.000đ. Ông T không có cung cấp chứng cứ chứng minh chi phí điều trị tại Trung tâm y tế Tân Th và Bệnh viện nhân dân 115 TP Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án xác định: tại bản kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh nội trú ngày 27/3/2017 của TTYT Tân Th thể hiện số tiền chi phí điều trị thương tích của ông T tại TTYT Tân Th là

516.241đ; tại bản kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh nội trú ngày 29/3/2017 của Bệnh viện nhân dân 115 thể hiện chi phí điều trị thương tích của ông T tại Bệnh viện 115 là 683.353đồng. Tổng chi phí điều trị là 1.199.594đồng. Ngoài ra, ông T có cung cấp chứng từ về thuê xe bao gồm: ngày xảy ra việc bị đánh là ngày 27/3/2017 thuê xe từ Tân Th về nhà tại quận Tân P, TP Hồ Chí Minh số tiền 2.000.000đ; thuê xe đi điều trị tại Bệnh viện 115 ngày 28 và 29/3/2017 là 1.500.000đ; thuê xe chở đi rửa vết thương, thay băng tại Phòng khám Đa Khoa quận Tân B là 500.000đ. Đây là chi phí hợp lý cho việc cứu chữa nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông Ph bồi thường chi phí cho việc điều trị số tiền 5.000.000 đồng.

- Đối với chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và gây ra di chứng tai phải, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 50.000.000 đồng: xét thấy, ông Ph đã dùng đoạn cây tràm có chiều dài 1,33 mét, đường kính đầu to 7,5cm, đường kính đầu nhỏ 5,5cm, cân nặng 3,7kg rắn chắc, là hung khí nguy hiểm đánh 02 cái trứng vào vùng đầu và vùng mặt của người bị hại gây thương tích. Ông T được điều trị ban đầu tại Trung tâm y tế Tân Th. Theo giấy chứng nhận thương tích của Trung tâm y tế Tân Th xác định ông T vào viện lúc 17 giờ 00 phút ngày 27/3/2017, ra viện lúc 19 giờ 30 phút ngày 27/3/2017, xác định tình trạng lúc vào viện: sây sát da + phù nề cẳng tay trái, đau, phù nề + đau cẳng tay phải, 3 vết thương vùng đỉnh đầu d1 8cm, d2 8cm, d3 10cm, vết thương nông vùng má trái # 1cm. Kết luận giám định pháp y xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19% (trong đó tỷ lệ vết thương vùng đầu là 09%, tỷ lệ vết thương vùng mặt là 11%). Sau đó, ông T tiếp tục điều trị tại Bệnh viện Nhân dân 115 với chẩn đoán chấn thương sọ não. Với những thương tích như trên, xét thấy vùng đầu là vùng trọng yếu, sau khi được điều trị vẫn còn tồn tại, suy giảm sức khỏe. Do đó, cần được bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe bị giảm sút. Ông T yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000đ gồm các khoản ăn thức ăn bồi dưỡng 200.000đồng/ngày hơn 60.000.000đ, bị nhức đầu nên mua thuốc bổ uống trong thời gian hơn 01 năm với số tiền hơn 10.000.000đ. Tuy nhiên, yêu cầu của ông T là quá cao nên chỉ chấp nhận chi phí hợp lý để bồi dưỡng phục hồi sức khỏe ngoài tiền mất thu nhập do không làm việc được. Cụ thể chỉ chấp nhận một phần yêu cầu chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe trong thời gian 01 tháng với số tiền là 100.000đ/ngày trong 10 ngày đầu và 50.000đ/ngày trong 20 ngày tiếp theo, thành tiền là 2.000.000đ.

Về chức năng bị mất, bị giảm sút, ông T trình bày sau khi bị ông Ph đánh, dẫn đến ông bị di chứng tai phải. Tuy nhiên, bản kết luận giám định pháp y không kết luận ông T bị di chứng tai như ông T trình bày. Tòa án đã thông báo cho ông T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh về thiệt hại là bị di chứng tai phải sau bị đánh nhưng ông T không cung cấp được. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có thông báo cho ông T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T có quyền đề nghị tạm ngừng phiên tòa để giám định, bổ sung chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng phía ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu bồi thường về thiệt hại này cho ông T.

Đối với trình bày của ông T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T đề nghị bồi thường thiệt hại chức năng bị giảm sút cho ông T theo quy định về áp dụng tương tự pháp luật tại Điều 6 Bộ Luật dân sự về. Cụ thể ông T

yêu cầu ông Ph bồi thường thiệt hại do suy giảm khả năng lao động, chức năng bị giảm sút cho ông T tương tự như trường hợp người lao động bị tai nạn lao động theo Phụ lục 2 Bảng tính mức bồi thường từ người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn lao động (Ban hành kèm theo Thông T số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015) quy định: mức suy giảm khả năng lao động là 19% thì được bồi thường với mức bồi thường ít nhất là 5,10 (tháng tiền lương) và được trợ cấp ít nhất 2,04 (tháng tiền lương). Áp dụng tương tự pháp luật, ông Ph đánh ông T 19% nên ông T yêu cầu ông Ph bồi thường ít nhất 5,1 (tháng tiền lương), mức lương của ông T là 10.000.000đ với số tiền 55.000.000đ. Tuy nhiên, việc ông Ph đánh ông T là hành vi cố ý gây thương tích, giám định tỷ lệ thương tổn cơ thể là một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố vụ án cố ý gây thương tích theo quy định của pháp luật hình sự. Đối với thương tích của ông T, sau khi điều trị ông vẫn có khả năng lao động, không có chứng cứ nào chứng minh ông bị giảm sút hoặc mất khả năng lao động. Ông T được quyền yêu cầu người gây ra thiệt hại phải bồi thường trong trường hợp bị mất thu nhập do không lao động được theo quy định Bộ Luật dân sự. Đối với quy định tại Thông T số 04/2015/TT-BLĐTBXH ngày 02/02/2015 mà phía ông T viện dẫn là để áp dụng trong trường hợp buộc người sử dụng lao động bồi thường cho người lao động khi người lao động bị tai nạn lao động. Do đó, yêu cầu của ông T về bồi thường do suy giảm sức khỏe không có cơ sở chấp nhận.

- Về thu nhập thực tế bị mất, ông T yêu cầu ông Ph bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (trong thời gian 02 tháng nghỉ việc không lương): Tại phiên tòa, ông Đinh Văn Đ là Giám đốc Công ty Đông D xác nhận công ty chỉ trả lương cho nhân viên khi nhân viên thực làm, nhân viên nghỉ không được trả lương do công ty Đông D hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện. Ông Đ xác nhận ông T có làm đơn xin nghỉ việc không hưởng lương trong thời gian hai tháng từ 01/4/2017 đến 31/5/2017, sau đó xin nghỉ thêm 01 tháng 6 do chưa đi làm được.

Xét tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện: theo giấy ra viện Bệnh viện Nhân Dân 115 thể hiện ông T có nhập viện ngày 28/3/2017, ra viện ngày 29/3/2017. Ông T có cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động được ký kết giữa ông T với Công ty Đông D thể hiện mức tiền lương của ông T là 10.000.000 đồng/tháng. Đồng thời, ông T có cung cấp xác nhận của Công ty Đông D về việc ông T xin nghỉ việc không hưởng lương trong thời gian ba tháng để điều trị thương tích và nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe. Tuy nhiên ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông nghỉ việc để tiếp tục điều trị thương tích và cũng không có chỉ định của cơ sở y tế hoặc Kết luận giám định của Hội đồng giám định y khoa chỉ định ông T phải nghỉ làm để điều trị trong thời gian 02 tháng. Ông T nghỉ làm là do ông T tự nghỉ. Tuy vậy, xét thấy tình trạng thương tích của ông T theo giấy chứng nhận thương tích của Trung tâm y tế Tân Th (như đã nêu trên), thương tích của ông T là tại vùng đầu, là bộ phận quan trọng của cơ thể nên cần có thời gian để vết thương hồi phục, ổn định sức khỏe mới có thể làm việc bình thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, buộc ông Ph bồi thường cho ông T tiền mất thu nhập thực tế trong 02 ngày nhập viện điều trị thương tích tại Bệnh viện Nhân

Dân 115 với số tiền 667.000đ (làm tròn) và trong thời gian 01 tháng sau khi ra viện (Do ngày 27/3/017 ông T vẫn đi làm việc và xảy ra việc bị đánh). Tổng cộng số tiền mất thu nhập là 10.667.000đồng.

- Về việc yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000đ thiệt hại từ việc phải tham gia tố tụng để giải quyết vụ án ông bị ông Nguyễn Đức Ph đánh gây thương tích: Xét thấy, việc tham gia tố tụng là quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 68, 70 Bộ Luật tố tụng dân sự. Theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng có quyền giao nộp văn bản trình bày ý kiến, tài liệu chứng cứ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc phương tiện khác, đồng thời có quyền đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành giải quyết vắng mặt. Khi đó, cơ quan tiến hành tố tụng vẫn xem xét, giải quyết trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng như trường hợp họ có mặt. Hơn nữa, pháp luật cũng không có quy định chi phí đi lại để tham gia tố tụng hoặc chi phí bỏ ra để tham gia tố tụng là chi phí hợp lý để yêu cầu bị cáo hoặc người bị kiện phải bồi thường. Đồng thời, cũng không có cơ sở để xem xét áp dụng tương tự pháp luật do tính đến thời điểm hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đã công bố 37 Án lệ nhưng cũng không có án lệ nào giải quyết và chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường chi phí đi lại, ăn uống, thu nhập bị mất khi tham gia tố tụng. Do đó, yêu cầu trên của ông T không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần, ông T yêu cầu ông Ph bồi thường 74.500.000 đồng: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T cho rằng ông T thực hiện nhiệm vụ do Công ty Đông D giao là lãnh đạo nhân viên đi đòi nợ ông Đ theo hợp đồng đã ký kết với ông T nhưng đã bị ông Ph, là người không có liên quan đánh gây thương tích 19%. Từ đó đã thiệt hại tinh thần, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông T và của cả Công ty Đông D, dẫn đến việc thu hồi nợ theo hợp đồng của Công ty Đông D với khách hàng tại địa bàn huyện Tân Th không thực hiện được, phải hủy hợp đồng (như hợp đồng với ông Lê Văn T để đòi nợ ông Nguyễn Văn Đ, ông Ngô Hồng V).

Xét thấy, ông T bị ông Ph đánh gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 19%, đồng thời ông T là người có chức vụ (Phó Giám đốc) trong Công ty Đông D, đại diện cho Công ty thực hiện nhiệm vụ đòi nợ theo quy định nhưng đã bị ông Ph đánh gây thương tích thì về mặt tinh thần của ông T sẽ bị tổn thất. Tuy nhiên, việc ông T bị đánh chỉ gây tổn hại về sức khỏe, dẫn đến ảnh hưởng về mặt tinh thần chứ không có cơ sở nào xác định và trên thực tế cũng không ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông T như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T trình bày. Việc không thực hiện tiếp được hợp đồng đòi nợ đối với ông Đ, ông Vũ nếu có thiệt hại thì thiệt hại đó là của Công ty, không phải của cá nhân ông T. Do vậy, xét thấy yêu cầu của ông T yêu cầu ông Ph bồi thường 50.000.000đ là quá cao (mức tối đa 50 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định). Do vậy Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của của ông T, buộc ông Ph thường cho ông T số tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 15.000.000 đồng như Bản án sơ thẩm số 14/2009/HSST ngày 24/9/2019 đã tuyên.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, ông T yêu cầu ông Ph bồi thường 01 chiếc nhẫn 01 lượng vàng 9999 với số tiền 35.000.000 đồng: xét thấy, sau khi sự việc xô xát xảy ra, ông T khai có mất hai chiếc nhẫn,

trong đó có 01 chiếc đã được ông Huỳnh Sơn T nhặt được và trả lại cho ông T . Còn lại 01 chiếc nhẫn ông T cho rằng bị mất nhưng không rõ tại sao bị mất chiếc nhẫn, không biết ai lấy chiếc nhẫn (lời khai của ông T tại các bút lục 56, 58, 65). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Th đã ban hành thông báo truy tìm đồ vật của người bị mất. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày ông Ph chỉ dùng cây tràm đánh ông T chứ không dùng tay chân chạm trực tiếp vào cơ thể ông T . Không có cơ sở nào thể hiện ông Ph gây thiệt hại về tài sản của ông T . Sau khi cấp phúc thẩm hủy phần dân sự giao về cấp sơ giải quyết lại phần dân sự, TAND huyện Tân Th đã tiến hành xác minh, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ bổ sung. Tuy nhiên, tại lời khai, lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Nguyễn Văn Đ , ông Nguyễn Văn X , ông Đặng Văn A , ông Ngô Hồng V , ông Nguyễn Văn C ; người làm chứng là ông Nguyễn Văn B là những người chứng kiến sự việc từ lúc ông T cùng nhân viên Công ty Đông D đến nhà ông Đ cho đến khi xảy ra việc đánh nhau nhưng không có ai để ý, nhìn thấy ông T có đeo nhẫn hay không. Sau sự việc đánh nhau, ông T đã được đưa đi bệnh viện. Sau đó có người nhìn thấy nhân viên Công ty Đông D quay lại tìm nhẫn và nhặt được 01 chiếc nhẫn.

Tại phiên tòa, ông T có cung cấp 1 bức ảnh chụp bàn tay phải của ông T thể hiện trên ngón áp út của bàn tay phải có dấu vết mờ do đeo nhẫn. Ông T khẳng định bức ảnh ông nộp tại phiên là ảnh ông chụp vào ngày 27/3/2017 tại Trung tâm y tế Tân Th sau khi sự việc đánh nhau xảy ra để chứng minh cho việc bị mất chiếc nhẫn. Ngoài ra, trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông T có cung cấp xác nhận của ông Lê Văn T là người làm chứng. Giấy xác nhận của ông T thể hiện trước khi nhóm người của Công ty Đông D vào nhà của ông Đ có ghé nhà của ông Tư. Ông T có nhìn thấy bàn tay trái của ông T có đeo nhẫn vàng 24K. Đến khi sự việc đánh nhau xảy ra, ông T có vào Trung tâm y tế Tân Th thăm ông T và có nghe ông T nói ông T bị chiếc nhẫn vàng 24K. Để làm rõ thêm trình bày của ông Tư, Tòa án có yêu cầu ông T viết bản tự khai trình bày rõ nội dung cụ thể việc ông T nhìn thấy. Tuy nhiên, tại bản tự khai của ông T cũng xác nhận nội dung như tại giấy xác nhận của ông T mà ông T đã nộp cho Tòa án. Ngoài ra, ông T cũng có nộp giấy xác nhận của ông Đinh Văn Đ – Giám đốc Công ty Đông D thể hiện nội ông Đ xác nhận ông Đ có nhìn thấy ông T đeo nhẫn vàng 24K ở bàn tay trái vào sáng 27/3/2017, trước khi ông T đi Long An. Tại phiên tòa, ông Đ vẫn trình bày vào buổi sáng, trước khi ông T đi đòi nợ và xảy ra bị đánh, ông Đ gặp ông T bàn công việc và nhìn thấy bàn tay trái của ông T có đeo nhẫn vàng 24K. Đêm 27/3/2017, ông Đ có đến nhà ông T để thăm ông T và có nghe ông T nói khi bị đánh bị mất nhẫn vàng 24K. Bên cạnh đó, trước khi bắt đầu phiên tòa, ông T có cung cấp xác nhận của ông Trần Văn T và của ông Phạm Hữu T là nhân viên của Công ty Đông D có cùng đi với ông T đến nhà ông Đ . Ông T và ông T đều xác nhận nội dung là khi đi chung với ông T , trên đường đi, ông T và Ông T có nhìn trên tay trái của ông T có đeo 01 chiếc nhẫn vàng 24K và 01 chiếc nhẫn lông voi. Khi bị đánh ông T bị mất hai nhẫn nhưng chỉ tìm được chiếc nhẫn lông voi.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông T trình bày ông đeo nhẫn vàng 24K 01 lượng ở ngón áp út bàn tay phải, còn chiếc nhẫn vàng 18K ở ngón áp út bàn tay trái. Khi xảy ra sự việc đánh nhau bị mất cả hai chiếc nhẫn chỉ tìm được chiếc

nhẫn vàng 18K, mất chiếc nhẫn vàng 24K. Do đó, lời trình bày của của người làm chứng có mâu thuẫn với trình bày của ông T và với ảnh chụp bàn tay phải của ông T nộp tại phiên tòa. Đồng thời, thấy rằng ông T trình bày nhẫn ông T đeo ngón áp út bàn tay phải là nhẫn có mặt vuông, trọng lượng 01 lượng vàng vàng 24K 9999. Như vậy, khi đeo sẽ chiếm diện tích khá lớn trên một phần (lóng) ngón tay, khi tháo nhẫn sẽ để lại dấu vết mờ diện tích lớn trên ngón tay. Trong khi đó, xem xét ảnh chụp ông T cung cấp, thấy rằng dấu vết mờ trên ngón áp út bàn tay phải có vết mờ do đeo nhẫn (trắng hơn so với phần khác của ngón tay) chỉ là một phần nhỏ của ngón tay, có thể thấy chỉ tương ứng với nhẫn tròn (loại nhỏ) không có mặt. Hơn nữa, tại phiên tòa hôm nay, khi đại diện Viện kiểm sát hỏi, ông T trình bày khi ông Ph đánh, ông giơ tay lên đỡ, ông cảm nhận và biết được hai chiếc nhẫn đeo ở hai bàn tay rơi. Tuy nhiên khi lực lượng công an xã, dân quân ra can thiệp, ngăn việc đánh nhau nhưng ông T không báo việc này nên Công an không có cơ sở để lập biên bản sự việc, bảo vệ hiện trường cũng như tìm ngay đồ vật bị mất. Sau khi đến TTYT Tân Th ông mới báo việc bị mất tài sản và mới có người quay lại tìm. Từ những vấn đề trên, không có cơ sở xác định được có thiệt hại hoặc nguyên nhân gây ra thiệt hại, cụ thể không chứng minh được các vấn đề: ông T có đeo nhẫn trọng lượng 01 lượng vàng 9999 hay không, nếu có thì có mất hay không, có mất thì vào thời gian nào, nguyên nhân mất. Ông T yêu cầu bồi thường và xác định vẫn giữa nguyên yêu cầu nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, không có căn cứ phát sinh thiệt hại để xác định trách nhiệm bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 584 Bộ Luật dân sự. Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu bồi thường giá trị chiếc nhẫn trọng lượng 01 lượng vàng 9999 với số tiền là 35.000.000đ của ông T.

Như vậy, tổng cộng các khoản chi phí hợp lý ông T được chấp nhận để buộc ông Ph phải bồi thường là 32.677.000đ. Tuy nhiên, theo yêu cầu của ông T, ngày 11/3/2020, Tòa án đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời buộc ông Ph thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với khoản tiền mà người bảo bào chữa của ông Ph đã nộp thay cho ông Ph (tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An) để khắc phục hậu quả. Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Th đã thi hành xong Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ông T đã nhận được số tiền 10.000.000đ. Như vậy, số tiền mà ông Ph phải bồi thường tiếp cho ông T là 22.677.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

[4]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Nguyễn Đức Ph phải chịu 1.633.850đ án phí đối với yêu cầu của ông T được chấp nhận. Ông Phạm Văn T phải chịu 1.750.000đ án phí do không được chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 331; 333; Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 584, 585, 589, 590, 357 Bộ Luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 21, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; tiết b, tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Buộc ông Nguyễn Đức Ph có nghĩa vụ bồi thường cho ông Phạm Văn T số tiền là 32.677.000đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Ông Ph đã bồi thường trước 10.000.000đ nên còn phải bồi thường tiếp số tiền là 22.677.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn T phải chịu 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

Ông Nguyễn Đức Ph phải chịu 1.633.850đ (Một triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tân Th;
- Chi cục THADS huyện Tân Th;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh